

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2010 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2010

Quý I năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	141.740.548.539	77.911.113.486	141.740.548.539	77.911.113.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		141.740.548.539	77.911.113.486	141.740.548.539	77.911.113.486
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.283.405.135	58.110.414.473	104.283.405.135	58.110.414.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.457.143.404	19.800.699.013	37.457.143.404	19.800.699.013
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.301.127.134	906.688.363	1.301.127.134	906.688.363
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	591.136.343	287.890.030	591.136.343	287.890.030
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		587.909.741	265.140.620	587.909.741	265.140.620
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	296.469.805	233.114.637	296.469.805	233.114.637
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.726.445.124	2.855.797.955	5.726.445.124	2.855.797.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.144.219.266	17.330.584.754	32.144.219.266	17.330.584.754
11. Thu nhập khác	31	VI.7	336.554.008	2.050.685	336.554.008	2.050.685
12. Chi phí khác	32	VI.8	19.649.697	4.600.000	19.649.697	4.600.000
13. Lợi nhuận khác	40		316.904.311	(2.549.315)	316.904.311	(2.549.315)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.461.123.577	17.328.035.439	32.461.123.577	17.328.035.439
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.910.969.477	4.243.503.492	7.910.969.477	4.243.503.492
16. Chi phí thuế TNDN được miễn giảm			-	(1.210.292.290)	-	(1.210.292.290)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		245.973.314	-	245.973.314	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.304.180.786	14.294.824.237	24.304.180.786	14.294.824.237
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			1.344.126.239	480.988.434	1.344.126.239	480.988.434
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			22.960.054.547	13.813.835.803	22.960.054.547	13.813.835.803
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.9	1.351	813	1.351	813

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 12 tháng 05 năm 2010

Giám đốc

Phạm Thị Hồng Thắm

Đỗ Thanh Trường Nguyễn Văn Uẩn